

*Châu Thành, ngày 14 tháng 11 năm 2017*

Số: 346/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 433/2017/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Văn Q thuận tình ly hôn.

b) *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thiên P, sinh ngày 31/5/2017. Sau khi ly hôn chị T nuôi cháu Thiên P.

Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh Q không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

*c) Về tài sản chung, nợ chung:* Hai bên khai không có nên không xem xét.

*d) Về án phí:*

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị T, anh Q mỗi bên phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng). Chị T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012623 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện F. Chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

**3/** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- UBND xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Chí Đức**